

Số: 50/KH-UBND

Tơ Tung, ngày 28 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH
Duy trì các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Tơ Tung năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/ĐU ngày 31/12/2020 của Đảng ủy xã Về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2021; công văn số 483/UBND-KT ngày 22/4/2021 của UBND huyện V/v triển khai rà soát, xây dựng kế hoạch, giải pháp phân đầu thực hiện hoàn thành Chương trình nông thôn mới năm 2021; Ủy ban nhân dân xã Tơ Tung xây dựng Kế hoạch duy trì các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Tơ Tung năm 2021, cụ thể như sau:

I. Đánh giá thực trạng 19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã

1. Các căn cứ rà soát

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay và Phụ lục Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Quyết định 392/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Ban hành Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai,

2. Thực trạng 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới đến cuối năm 2020

2.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch và thực hiện quy hoạch

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn: Đạt

Đã có quy hoạch và bản đồ quy hoạch chi tiết được HĐND xã thông qua và UBND huyện phê duyệt, quy hoạch được công khai tại khu trung tâm xã.

1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch: Đạt

Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng quy chế quản lý theo quy hoạch và đã được UBND huyện phê duyệt.

So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông

2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đạt

Tổng số km đường trục xã 12,25 km, hiện đã được bê tông hóa và nhựa hóa 12,25 km đạt 100%.

2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Đạt

Tổng số km đường trục thôn, đường liên thôn 8,7 km, hiện đã được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm 8,248 km đạt 95,22%.

2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: Đạt

Tổng số km đường ngõ xóm 1 km, hiện nay về cơ bản đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: Đạt

Tổng số km đường trục chính nội đồng 33,42km, hiện đã đầu tư nâng cấp đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện được 24,69km đạt 73,87%.

So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên: Đạt.

Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới chủ động trên tổng diện tích gieo trồng của xã là 2.951,5/3.650,5 đạt 80,9%.

3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ: Đạt.

So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.4. Tiêu chí số 4 - Điện

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện: Đạt

Hệ thống lưới điện đã phủ kín toàn xã và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Hoàn thiện hồ sơ lưới điện, toàn bộ hệ thống điện thường xuyên được kiểm tra, rà soát, các đường dây trung áp, trạm biến áp, đường dây hạ áp, dây dẫn về hộ gia đình sau công tơ điện được đầu tư, cải tạo chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật của hệ thống.

4.2 Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: Đạt

Toàn xã có 1.356 hộ, trong đó số hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn là 1.345/1.356 đạt tỷ lệ 99,20%.

- So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.5. Tiêu chí số 5 - Trường học

- Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia: Đạt

Hiện nay có 3/3 trường đã được công nhận có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%.

- So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.6. Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hoá

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã: Đạt

Hiện tại trên địa bàn xã có 01 nhà văn hóa xã và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Đạt.

Xã đã bố trí điểm vui chơi, giải trí và thể thao dành cho trẻ em và người cao tuổi tại khuôn viên Trung tâm văn hóa xã và Trường mẫu giáo Tơ Tung.

6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: Đạt

Các làng trên địa bàn xã đã có nhà văn hóa đảm bảo cho việc sinh hoạt hội họp của nhân dân trên địa bàn các thôn, làng.

- So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.7. Tiêu chí số 7 – Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa

Xã có 04 cửa hàng tạp hóa phục vụ cho nhu cầu của nhân dân trên địa bàn xã đảm bảo các tiêu chí theo Quyết định số 4800/QĐ-BTC ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

- So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.8. Tiêu chí số 8 – Thông tin và truyền thông

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính: Đạt

Trên địa bàn xã có 01 điểm phục vụ bưu chính viễn thông với diện tích 40m² với đầy đủ trang thiết bị như máy vi tính, máy in đảm bảo cung cấp các dịch vụ gửi và nhận thư, bưu phẩm, dịch vụ chuyển tiền, tài chính ngân hàng. Điểm bưu điện văn hóa xã bố trí thùng thư công cộng và niêm yết giờ mở cửa phục vụ và thông tin về các dịch vụ cung ứng.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet: Đạt

Hiện hệ thống viễn thông cố định mặt đất và mạng viễn thông di động mặt đất phủ sóng 10/10 làng, đạt 100%, ước có khoảng 1.300/1.356 hộ dân sử dụng điện thoại và internet băng thông rộng (ADSL), đạt 95,87%.

8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: Đạt

Đài truyền thanh xã được xây dựng với 16 cụm loa đảm bảo thông tin phát thanh đến 10/10 làng; được Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực III cấp giấy phép tần số vô tuyến điện số 200828/TTKD ngày 26/4/2013.

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Đạt

Có 100% cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác quản lý điều hành và sử dụng thư điện tử công vụ trong xử lý công việc chuyên môn qua hộp thư công vụ totungkbang@gialai.gov.vn. Tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức là 100%, máy tính của các cơ quan Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân có sử dụng dịch vụ truy nhập internet và thực hiện nhận gửi văn bản qua mạng.

Trang thông tin điện tử xã được xây dựng là thành phần của trang thông tin điện tử huyện đảm bảo cung cấp thông tin về bộ máy hành chính, thông tin liên hệ, thông tin về địa giới hành chính, điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống, văn hóa xã, thông tin về hoạt động của xã, các thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và các biểu mẫu thủ tục hành chính.

So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư

9.1. Nhà tạm, dột nát: Đạt.

Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, nhà dột nát.

9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định: Chưa đạt

Toàn xã có số nhà ở đạt chuẩn là 1.059/1.356 nhà đạt 78,1%.

- So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập

- Thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đến cuối năm 2020 đạt 41,103 triệu đồng/người/năm.

- So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.11. Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến cuối năm 2020 là 86/1.356 hộ chiếm tỷ lệ 6,34%.

- So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.12. Tiêu chí số 12 – Lao động có việc làm

- *Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.*

Số người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động trên địa bàn xã 3.404/3.502 người đạt 97,2%.

So sánh mức độ đạt với Tiêu chí số 12: **Đạt.**

2.13. Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất

13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012:
Đạt.

Trên địa bàn xã Tơ Tung hiện có 01 hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Đó là Hợp tác xã Nông nghiệp, Thương mại và Dịch vụ Tơ Tung.

13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững: Đạt

Sản phẩm chủ lực của xã Tơ Tung là cây mía, chiếm 60% diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã. Phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và các quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp của huyện, xã.

Về hiệu quả kinh tế: Cây mía là cây đem lại thu nhập chính cho đa số gia đình làm nông nghiệp và chiếm 58% tổng thu nhập nông nghiệp trên toàn địa bàn xã.

- So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.14. Tiêu chí số 14 - Giáo dục và đào tạo

14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Đạt.

Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn xóa mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 và phổ cập giáo dục THCS đạt mức độ 2.

14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp): Đạt

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) năm học 2019-2020 là 228/270HS, chiếm tỷ lệ 84,44%.

14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: Đạt

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo là 1.155/3.404 người, đạt 31,99%.

- So sánh tiêu chí số: **Đạt.**

2.15. Tiêu chí số 15 - Y tế

15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: Đạt

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là 5.545/5.842 người đạt 94,92%.

15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: Đạt

Y tế xã đạt chuẩn quốc gia được công nhận tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh Gia Lai Về việc công nhận 46 xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Gia Lai đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã từ năm 2015.

15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): Đạt

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): 118/526 trẻ em, chiếm tỷ lệ 22,43%.

- So sánh tiêu chí số 15: **Đạt.**

2.16. Tiêu chí số 16 - Văn hóa.

Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định

Cuối năm 2020 toàn xã có 9/10 làng đạt tiêu chuẩn làng văn hóa đạt tỷ lệ 90%.

- So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.17. Tiêu chí số 17 - Môi trường

17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: Đạt

Số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 1.356/1.356 hộ đạt 100% (trong đó số hộ sử dụng nước sạch: 941/1.356 hộ đạt 69,40%).

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Đạt

Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh đảm bảo vệ sinh môi trường: 75/75 cơ sở đạt 100%.

17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt

Cảnh quan môi trường ở các làng được chỉnh trang, trồng cây tại các địa điểm công cộng như trường học, trạm y tế, trụ sở UBND xã, trung tâm văn hóa thể thao xã, nhà văn hóa thôn và dọc các trục đường làng. Đường làng ngõ xóm thường xuyên được dọn vệ sinh sạch sẽ, tại các khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải gây mất mỹ quan. Tất cả các trục đường thôn xóm của các làng đều được lắp hệ thống điện thấp sáng giúp người dân đi lại, sinh hoạt dễ dàng và an ninh trật tự được bảo đảm. Số hộ đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào, công ngõ 965/1.356 hộ đạt 71,17%.

17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Đạt.

Xã đã quy hoạch, thực hiện cấm bốc, xây dựng và ban hành quy chế quản lý nghĩa trang, các làng đồng bào dân tộc thiểu số đều có nghĩa trang riêng phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa.

17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định: Đạt

- Rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tại hộ gia đình.

- Trong năm 2020 bố trí 17 bể bê tông tại các khu vực sản xuất tập trung để thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, từng bước nâng cao nhận thức của người dân về thu gom chất thải nguy hại.

- Rác thải y tế được thu gom, vận chuyển, xử lý tại Trung tâm y tế huyện.

17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Đạt.

Tỷ lệ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 70,06% (950/1.356 hộ), tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh là 74,63% (1.012/1.356 hộ), tỷ lệ hộ có bể chứa nước hợp vệ sinh là 84,88% (1.151/1.356 hộ), tỷ lệ hộ đảm bảo 3 sạch 78,76% (827/1.050 hộ).

17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Đạt.

Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: 499/809 hộ, đạt tỷ lệ 61,68%.

17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Đạt.

Có 1.241 hộ, cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ đảm bảo điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm đạt 100%.

So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.18. Tiêu chí số 18 - Hệ thống tổ chức chính trị xã hội

18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: Đạt.

Cán bộ công chức xã đã đạt chuẩn 22/22 người, đạt tỷ lệ 100%.

18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Đạt

Xã có đủ tổ chức chính trị ở xã gồm tổ chức Đảng, chính quyền và tổ chức chính trị xã hội gồm Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh xã.

18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh": Đạt

Kết quả đánh giá, phân loại Đảng bộ, chính quyền của xã trong năm 2020 Đảng bộ, chính quyền đạt "trong sạch, vững mạnh".

18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên: Đạt

Năm 2020 các tổ chức chính trị xã hội đạt loại khá trở lên.

18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: Đạt.

Năm 2020 xã được UBND huyện công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội

- Về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình: có 100% phụ nữ thuộc diện hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và phụ nữ khuyết tật có nhu cầu được vay vốn ngân hàng chính sách để phát triển kinh tế đạt 100%; trên địa bàn xã không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

- Nội dung tuyên truyền về bình đẳng giới được phát thanh trên hệ thống đài phát thanh của xã 2 lần/tháng. Xã bố trí 01 nhà tạm lánh nạn cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng.

- So sánh tiêu chí: **Đạt.**

2.19. Tiêu chí số 19 - An ninh, trật tự xã hội

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. **Đạt**

19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước: **Đạt**

So sánh tiêu chí: **Đạt.**

Qua đánh giá thực trạng đến cuối năm 2020 xã đạt được 19/19 tiêu chí, đã làm hồ sơ đề nghị Tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện duy trì các tiêu chí nông thôn mới năm 2021

1. Mục tiêu

- Tiếp tục giữ vững, duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng các tiêu chí đã đạt được.
- Đảm bảo sau thời gian công nhận (kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn “Xã nông thôn mới”) phải tiếp tục phấn đấu, cập nhật đạt chuẩn các tiêu chí.

2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện duy trì các tiêu chí trong năm 2021

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch: Tiếp tục rà soát, bổ sung Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đường giao thông nội làng, ngõ xóm và đường vào khu sản xuất tập trung tổ chức tốt công tác duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường giao thông đảm bảo đi lại thuận tiện cho người dân.

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi: Phối hợp với Trạm quản lý thủy nông tiếp tục đầu tư xây dựng và duy tu, bảo dưỡng hệ thống kênh mương các công trình thủy lợi, nâng cao năng lực tưới tiêu đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai.

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện: Tiếp tục phối hợp với điện lực hoàn thiện và phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo phục vụ sản xuất và đời sống của người dân.

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học: Duy trì cơ sở vật chất các trường học đạt chuẩn.

2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa: Tiếp tục duy trì quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất văn hóa, thể thao được đầu tư trên địa bàn.

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Tiếp tục duy trì 04 cửa hàng tạp hóa phục vụ cho nhu cầu của nhân dân trên địa bàn xã đảm bảo các tiêu chí theo Quyết định số 4800/QĐ-BTC ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính.

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông: Nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông đến cơ sở, đảm bảo các thông tin được truyền tải đến người dân kịp thời, chính xác, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành ở xã.

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: Vận động, tuyên truyền nhân dân tiếp tục chỉnh trang nhà cửa, cải tạo vườn tạp; không để xảy ra tình trạng vi phạm xây dựng nhà lán chiếm hành lang lộ giới, không phát sinh nhà tạm bợ.

2.10. Tiêu chí 10 về Thu nhập: Vận động nhân dân tiếp tục duy trì và phát triển chăn nuôi bò, trâu thịt có chất lượng. Tăng cường công tác khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, quản lý giống cây trồng, vật nuôi; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tiếp tục khuyến khích đẩy mạnh việc hình thành các tổ hợp tác, trang trại; khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư vào địa phương. Vận động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo vay vốn làm ăn để phát triển kinh tế, tăng thu nhập, thoát nghèo một cách bền vững, hạn chế tối đa việc tái nghèo. Tuyên truyền vận động các hộ dân có nguồn nhân lực lao động đăng ký tham gia đi xuất khẩu lao động theo con đường chính thống và đăng ký đi

làm công nhân tại các Công ty, doanh nghiệp trong tỉnh và ngoài tỉnh để tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập.

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo: Thực hiện đổi mới cách thức hỗ trợ người nghèo từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ vốn, phương thức phát triển sản xuất để người dân chủ động vươn lên thoát nghèo, không để phát sinh hộ tái nghèo.

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn phải gắn với giải quyết việc làm, chỉ đào tạo nghề khi xác định được nhu cầu việc làm, vì vậy phải phối hợp với các cơ sở đào tạo để định hướng ngành nghề phù hợp nhằm nâng cao tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất: Tiếp tục củng cố và nâng cao hoạt động của Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho HTX phát triển.

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục: Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp, chú trọng công tác phổ cập; tiếp tục nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học (trung học phổ thông, bổ túc văn hóa, trung cấp). Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tiếp tục quan tâm công tác tư vấn học nghề và giới thiệu việc làm.

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế: Duy trì, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tiếp tục vận động người dân tham gia BHYT. Tăng cường tuyên truyền về phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em bằng nhiều hình thức nhằm hạn chế tối đa trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa: Tiếp tục quan tâm phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân tham gia xây dựng đời sống văn hoá, thể thao, từng bước đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân; tổ chức triển khai thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị”. Tiếp tục duy trì và giữ vững danh hiệu “làng văn hóa”.

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm: Tuyên truyền, vận động người dân giữ gìn vệ sinh môi trường; tiếp tục xây dựng và sử dụng nhà tắm, nhà tiêu, bể chứa nước hợp vệ sinh, thay đổi thói quen, tập tục lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; kiểm soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường; cơ sở chăn nuôi phải có chuồng trại hợp vệ sinh để xử lý chất thải chăn nuôi; xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Tiếp tục duy trì các hoạt động truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm. Thường xuyên kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, qua đó phát hiện, xử lý các cơ sở không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định.

2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; chú trọng xây dựng Đảng bộ và các tổ chức Đoàn thể chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công. Làm tốt công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội, không để xảy ra tình trạng tảo hôn.

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh: Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn. Đẩy mạnh thực hiện

phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”, chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng các tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội.

3. Nguồn vốn dự kiến để thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2020

Vốn tín dụng, vốn huy động từ các chương trình khác, các tổ chức xã hội, nhân dân và các nguồn hợp pháp khác.

III. Phân công nhiệm vụ theo dõi, phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì các tiêu chí xây dựng nông thôn mới năm 2021

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Ban quản lý các CTMTQG xã

- Phụ trách chung về công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện duy trì các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Trực tiếp phụ trách tiêu chí số 1, 2, 4, 6, 18 và 19.

- Theo dõi phụ trách làng Nam Cao.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phụ trách lĩnh vực Văn hóa – Xã hội)

- Trực tiếp theo dõi, phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì các tiêu chí số 5, 8, 11, 14, 15 và 16.

- Theo dõi phụ trách làng Kléché.

3. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phụ trách lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và nông thôn mới)

- Chuyên trách theo dõi Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Trực tiếp theo dõi, phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì các tiêu chí số 3, 7, 9, 10, 12, 13 và 17.

- Theo dõi phụ trách làng Sơ Tor.

4. Công chức Địa chính - Xây dựng

Giúp UBND xã phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì các tiêu chí số 1, 2, 7, 9 và 17.4. Theo dõi và phụ trách làng Đak Pokao.

5. Công chức Công chức Văn phòng – Thống kê

Tham mưu UBND xã phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì các tiêu chí số 18.1. Theo dõi và phụ trách làng Leng.

6. Công chức Văn hóa – Xã hội (Phụ trách Văn hóa – Thông tin)

Giúp UBND xã phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì các tiêu chí số 6, 8, 14, 16 và 18.6. Theo dõi và phụ trách làng Cao Sơn.

7. Công chức Văn hóa – Xã hội (phụ trách Lao động, thương binh và xã hội)

Tham mưu UBND xã phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì các tiêu chí số 11 và 12. Theo dõi và phụ trách làng Đầm Khơng.

8. Tư pháp – Hộ tịch (phụ trách tuyên truyền, giáo dục pháp luật)

Giúp UBND xã phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì các tiêu chí số 18.5 và 18.6. Theo dõi và phụ trách làng Kuk Tung.

9. Công chức Tài chính - Kế toán

Giúp UBND xã phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì các tiêu chí số 10. Theo dõi và phụ trách làng Trường Sơn.

10. Trưởng công an xã

Tham mưu UBND xã phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì tiêu chí số 19.2. Theo dõi và phụ trách làng Kuk Tung.

11. Chỉ huy trưởng BCH quân sự xã

Tham mưu UBND xã phụ trách và tổ chức thực hiện duy trì tiêu chí số 19.1. Theo dõi và phụ trách làng Đồng Tâm.

12. Trưởng Trạm y tế xã

Phối hợp với công chức Văn hóa – Xã hội (phụ trách Lao động, thương binh và xã hội) phụ trách duy trì Tiêu chí số 15, 17.1, 17.6.

13. Hiệu trưởng của 3 nhà trường

Chịu trách nhiệm theo dõi, phụ trách và thực hiện duy trì các tiêu chí số 5, 14.

14. Bí thư chi bộ, Trưởng các làng

Chịu trách nhiệm theo dõi, phụ trách duy trì các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn mình quản lý. Vận động nhân dân chỉnh trang nhà cửa, rào vườn, trồng cây xanh, làm nhà tiêu, làm nhà tắm, làm bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, làm chuồng trại, chỉnh trang khuôn viên các nhà văn hóa, sân chơi TDTT....

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Trưởng các đoàn thể xã

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã phối hợp, theo dõi tổ chức triển khai thực hiện duy trì tiêu chí số 10 và 16; tiếp tục vận động nhân dân làm đèn chiếu sáng các trục đường liên làng và nội làng. Theo dõi và phụ trách làng Đăk PoKao.

- Bí thư Đoàn thanh niên xã, thường xuyên huy động lực lượng đoàn viên thanh niên của xã tham gia làm vệ sinh đường làng ngõ xóm, trồng cây xanh, giúp hộ nghèo chỉnh trang nhà ở và làm hàng rào. Theo dõi và phụ trách làng Kléché.

- Chủ tịch Hội phụ nữ xã, tổ chức chỉ đạo hội viên hội phụ nữ tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới. Phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện duy trì tiêu chí số 10, 15 và 17. Theo dõi và phụ trách làng Đầm Khơng.

- Chủ tịch Hội nông dân, tổ chức chỉ đạo hội viên hội nông dân tích cực tham gia thành viên Hợp tác xã. Phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện duy trì tiêu chí số 10 và 13. Theo dõi và phụ trách làng Kuk Tung.

- Hội Cựu chiến binh xã, tổ chức chỉ đạo hội viên tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, phối hợp, theo dõi tổ chức triển khai thực hiện duy trì tiêu chí số 19. Theo dõi và phụ trách làng Leng.

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và Trưởng các đoàn thể xã cần tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và cuộc vận động “làm thay đổi nếp nghĩ cách làm trong đồng bào dân tộc

thiếu số để từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững” trên địa bàn xã. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân thi đua xây dựng nông thôn mới, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện tốt các phong trào của hội. Đồng thời tích cực tham gia triển khai thực hiện toàn diện các nội dung của Chương trình.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề nghị Thường trực Đảng ủy xã

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo huy động sự vào cuộc của MTTQ, các tổ chức đoàn thể xã và Bí thư các chi bộ chủ động vào cuộc trong thực hiện duy trì các tiêu chí xây dựng nông thôn mới của xã và làm tốt công tác tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

2. Đề nghị UBND huyện, UBND tỉnh và Trung ương

Xem xét các nguồn hỗ trợ, tài trợ để hỗ trợ cho xã củng cố thêm một số tiêu chí như tiêu chí số 2, 6, 11.

Trên đây là Kế hoạch duy trì các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Tơ Tung năm 2021. Đề nghị các cán bộ, công chức và các ngành có liên quan của xã triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện;
- Văn phòng NTM huyện;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- TT MTTQVN và các đoàn thể xã;
- Hiệu trưởng 3 nhà trường;
- Trưởng Trạm y tế xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Bí thư chi bộ, trưởng các làng;
- Lưu VP-VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Trần Xuân Nam